CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL (UPCOM: TNB)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	9,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-29.6%	-5.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 13,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	138
Số lượng CPLH (CP)	14,489,877
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.28)
EPS	93
P/E	101.9

Tỷ suất lợi nhuận

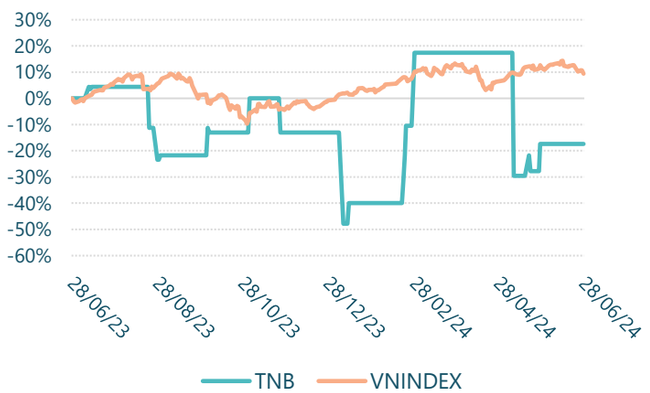

Doanh thu thuần

Q2/24

370

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 77.0 | 26.2%

YoY: ▲ 58.0 | 18.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

137%

YoY: +/-▼ 7.0%

LN gộp

Q2/24

15.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.50 | 10.4%

YoY: ▲ 9.05 | 136%

ROE (TTM)

Q2/24

0.7%

YoY: +/-▲ 1.6%

LN trước thuế

Q2/24

0.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.29 | -30.4%

YoY: ▲ 3.40 | 124%

ROA (TTM)

Q2/24

0.3%

YoY: +/-▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh Q2/24

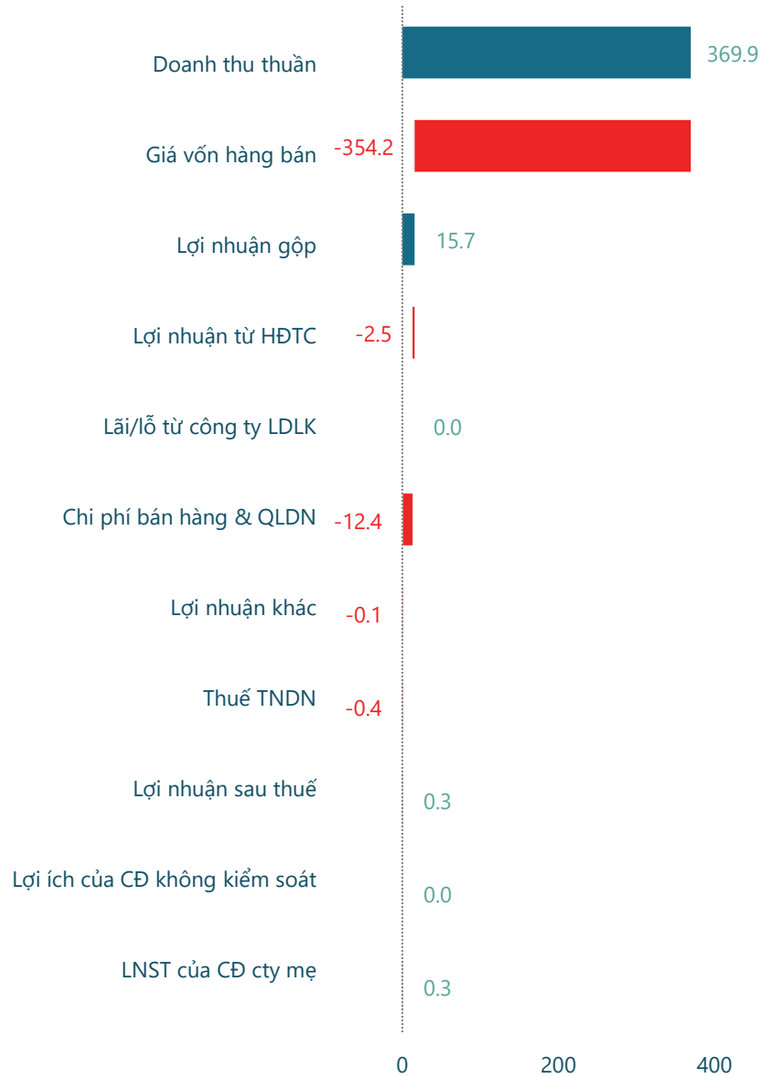

Kết quả kinh doanh

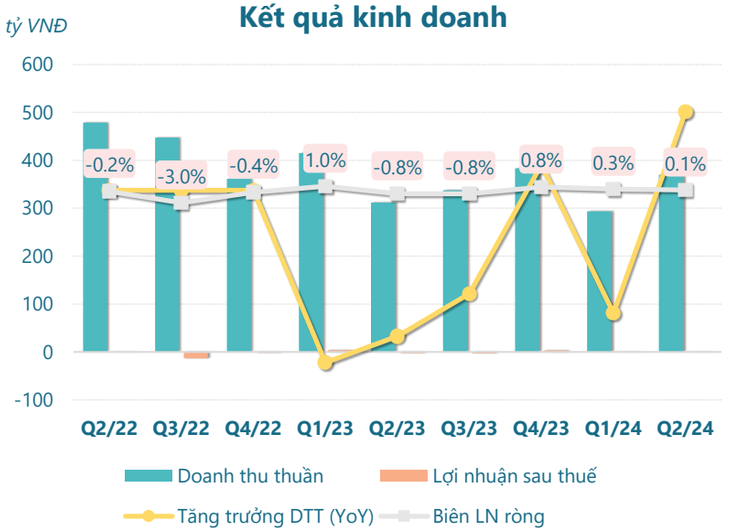

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.79 tỷ đồng**, giảm đi 11.2% so với kỳ trước và tăng thêm 3.59 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.49 tỷ đồng** tăng thêm 0.28 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.24 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.12 tỷ đồng** giảm đi 271% so với kỳ trước và thấp hơn 250% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

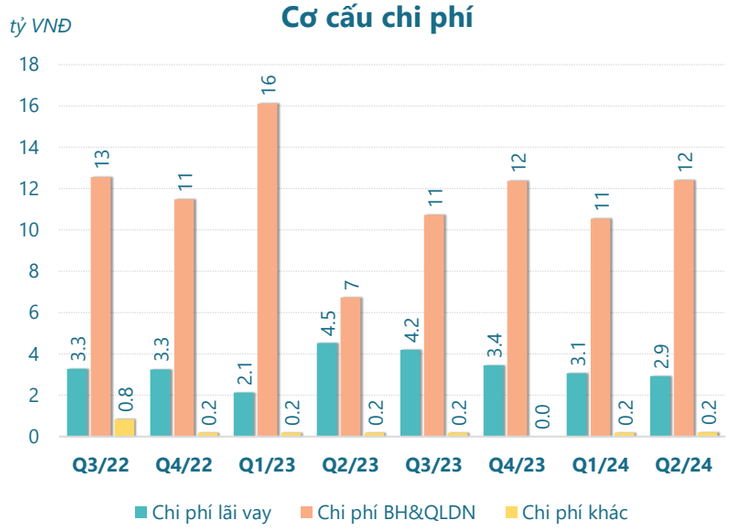

Kết quả kinh doanh của **TNB** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **369.9 tỷ đồng** tăng thêm **18.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.31 tỷ đồng**, **tăng thêm 2.82 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **663.0 tỷ đồng** thấp hơn 8.80% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** thấp hơn 50.0% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

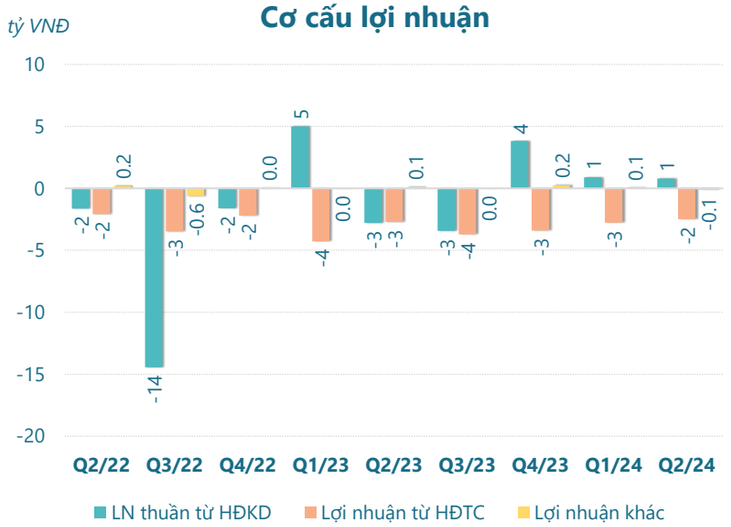

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.92 tỷ đồng** giảm đi 4.89% so với kỳ trước và thấp hơn 35.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **12.40 tỷ đồng** tăng thêm 17.5% so với kỳ trước và cao hơn 84.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.20 tỷ đồng** tăng thêm 11.1% so với kỳ trước và cao hơn 11.1% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL (UPCOM: TNB)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**370**	**293**	**26.2%**	**312**	**18.5%**	**663**	**727**	**-8.7%**
Giá vốn hàng bán	354	279	26.9%	305	16.1%	633	695	-8.8%
Lợi nhuận gộp	15.7	14.2	10.4%	6.65	136%	29.9	32.1	-6.8%
Doanh thu HĐTC	0.76	0.36	112%	0.33	132%	1.13	0.83	34.9%
Chi phí TC	3.26	3.13	4.1%	3.06	6.5%	6.39	7.84	-18.5%
Chi phí lãi vay	2.92	3.07	-4.9%	4.53	-35.6%	5.99	6.66	-10.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.95	3.65	8.2%	0.80	394%	7.60	5.81	30.7%
Chi phí QLDN	**8.45**	**6.90**	**22.5%**	**5.93**	**42.5%**	**15.4**	**17.0**	**-9.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.79	0.89	-11.5%	-2.80	128%	1.67	2.21	-24.1%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**0.07**	**-272%**	**0.08**	**-250%**	**-0.05**	**0.06**	**-187%**
LN trước thuế	0.67	0.96	-30.4%	-2.73	124%	1.63	2.26	-28.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.31**	**0.77**	**-59.6%**	**-2.51**	**112%**	**1.08**	**1.56**	**-30.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.31**	**0.77**	**-59.6%**	**-2.51**	**112%**	**1.08**	**1.56**	**-30.7%**

